TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 912/2019/HC-PT
Ngày 24 tháng 12 năm 2019
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tiểu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 606/2019/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2019 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3287/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Hồ Anh T. Địa chỉ: Ấp P, xã T1, huyện C, tỉnh H (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Khả Đ. Địa chỉ: Số 02, dãy B, Đường 30/4 (nay là hẻm 17, Đường T2, phường H1, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quốc S- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thanh P1, ông Nguyễn Thanh P2, bà Nguyễn Phương T4, bà Nguyễn Thị Trúc G, bà Nguyễn Thị Trúc M. Cùng địa chỉ: Số 369, ấp P, xã T1, huyện C, tỉnh H (vắng mặt).

Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp P, xã T1, huyện C, tỉnh H (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hùng: Ông Lê Khả Đ. Địa chỉ: Số 02, dãy B, Đường 30/4 (nay là hẻm 17, Đường T2, phường H1, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

Chị Huỳnh Thị Trúc L. Địa chỉ: Ấp P, xã T1, huyện C, tỉnh H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Lê Khả Đ tại phiên tòa:

Năm 1997, bà Hồ Anh T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T3 một phần đất diện tích 1.000m^2, thửa 1506, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp P, xã T1, huyện C, tỉnh H. Bà Hồ Anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000018 ngày 15/9/1997. Năm 2016, bà T bị ảnh hưởng một phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà vời diện tích 63,8m^2 trong dự án công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Cần Thơ- Phụng Hiệp (đoạn qua địa bàn tỉnh H).

Ngày 27/4/2016, UBND huyện C, tỉnh H ban hành Quyết định số 1498/QĐ-UBND về việc thu hồi phần đất diện tích 63,8m^2 (nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T) cho ông Nguyễn Văn T3. Quyết định số 1498/QĐ-UBND có đối tượng là ông T3 nên UBND huyện C chỉ công bố cho ông T3 nên bà T không biết, đến khi bà T tham gia phiên họp công khai, tiếp nhận chứng cứ trong vụ án dân sự về tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T3 tại Tòa án nhân dân huyện C thì bà T mới biết đến quyết định này. Sau đó bà T đến UBND huyện C xin pho to Quyết định số 1498/QĐ-UBND, nên thời hiệu khởi kiện phải được tính từ ngày bà T pho to từ UBND huyện C. Trước đây ông T3 và bà T chỉ tranh chấp với nhau tại Tòa án về vấn đề bồi thường, chứ bà T không biết quyết định thu hồi đất đối với phần đất diện tích 63.8m^2 của ông T3. Khi UBND huyện C triển khai quyết định phê duyệt bồi thường đối với phần diện tích 63,8m^2 cho ông T3 thì bà T có biết.

Căn cứ vào việc ông T3 đã chuyển nhượng phần đất 1.000m^2 cho bà T, trong đó có phần đất diện tích 63,8m^2 mà ông T3 bị thu hồi tại Quyết định số 1498 và bà T cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này nên thuộc quyền sử dụng đất của bà T, do đó việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 1498 để thu hồi phần đất của ông T và bồi thường, hỗ trợ cho ông T3 là không đúng quy định của pháp luật. Theo bà T cho rằng diện tích 63,8m^2 đất này là đất mương lộ, không được công nhận cho cá nhân hay tổ chức nào và chỉ hỗ trợ chi phí san lấp cho người trực tiếp san lấp. UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này cho ông Thành và ông T3 cũng đã chuyển nhượng phần đất này cho bà T, sau đó bà T san lấp và xây dựng công trình xi măng trên đất nên bà T mới là đối tượng bị thu hồi đất và được nhận tiền hỗ trợ chi phí san lấp.

Vì vậy, bà Hồ Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND huyện C về việc thu hồi đất diện tích là 63,8m^2 đất của ông Nguyễn Văn T3.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Võ Quốc S- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh H trình bày:

Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của UBND tỉnh H về việc quy hoạch đất và thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần giải phóng mặt bằng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Cần Thơ- Phụng Hiệp (đoạn qua địa bàn tỉnh H) và theo Thông báo số 70/TB-VP.UBND ngày 14/4/2016 của văn phòng UBND tỉnh H để thu hồi đất đối với hộ ông T3 là đúng đối tượng.

Vào thời điểm Toà án nhân dân tỉnh H giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 29/2016/TLST-HC ngày 28/10/2016 giữa người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T3 với người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C đã cung cấp Quyết định số 1498 cho Toà án nhân dân tỉnh H, Toà án đã công khai chứng cứ mà Ủy ban nhân dân huyện C cung cấp khi giải quyết vụ án, nên thời điểm này bà T đã biết Quyết định số 1498.

Căn cứ vào quy định của Luật đất đai và các văn bản hiện hành và báo cáo số 459/BC-STMMT ngày 16/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang để triển khai thực hiện bồi thường cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Hồ Anh T, việc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện, triển khai dự án và thực hiện bồi thường cho ông Nguyễn Văn T3 đối với 63,8m theo Quyết định 1499 ngày

27/4/2016 về phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần giải phóng mặt bằng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Cần Thơ- Phụng Hiệp (đoạn qua địa bàn tỉnh H) (đợt 1) là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Anh T không có cơ sở, Ủy ban nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên các quyết định bị kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thanh P1, ông Nguyễn Thanh P2, bà Nguyễn Phương T4, bà Nguyễn Thị Trúc G, bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Các đương sự được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, tuy nhiên họ không nhận văn bản, không đến tham gia các phiên tòa về việc giao nộp tiếp cận, công khai cứng cứ và đối thoại, không đến tham dự phiên tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành ghi lời khai của các đương sự nêu trên nhưng họ không đồng ý để Tòa án ghi biên bản.

Từ nội dung vụ án trên bản án sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh H tuyên xử:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993, năm 2003, năm 2013.

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai.

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 02/2011/NQ- HĐTP ngày 29/7/2011 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Anh T về việc yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh H hủy Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND huyện C, tỉnh Hvề việc thu hồi diện tích 63,8m^2 đất của hộ ông Nguyễn Văn T3 là không đúng đối tượng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Hồ Anh T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xử hủy Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND huyện C, tỉnh H.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay ông Lê Khả Đ đại diện theo ủy quyền của bà T vẫn giữ theo kháng cáo như trên.

Ông Võ Quốc S đại diện cho UBND huyện C, tỉnh H đề nghị Tòa không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Ông Huỳnh Văn H2 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) do ông Lê Khả Đ đại diện cũng đề nghị Tòa chấp nhận theo kháng cáo của bà Hồ Anh T – xử hủy Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND huyện C, tỉnh H.

Tại tòa Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị phúc xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Hồ Anh T kháng cáo làm trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án thì thấy:

Ngày 27/4/2016 UBND huyện C, tỉnh H ban hành Quyết định số 1498/QĐ-UBND về việc thu hồi 63,8m^2 đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T3 để mở rộng Quốc lộ 1 đoạn cầu Cần Thơ - Phụng Hiệp (trên địa bàn tỉnh H). Bà Hồ Anh T cho rằng phần đất trên không phải của hộ ông Nguyễn Văn T3 mà là của bà, nên bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định nêu trên của UBND huyện C, tỉnh H. Toà án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính là đúng thẩm quyền.

[3] Xét về nội dung của Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND huyện C, tỉnh H thì thấy:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00583 ngày 27/01/1996 thì ông Nguyễn Văn T3 được UBND huyện C, tỉnh H cấp tại thửa 1152 diện tích 300m^2, loại đất ở và 2.930m^2 loại đất LNK. Ngày 18/8/1997 ông Nguyễn Văn T3 ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà Hồ Anh T 10m x 100m = 1000m^2 vị trí nằm cách mí lộ nhựa Quốc lộ 1 đo vào 16m (theo hồ sơ chuyển nhượng lưu giữ tại Trung tâm công nghệ tỉnh H).

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay ông Đ đại diện cho bà T cũng thừa nhận ông T3 chỉ chuyển nhượng 10m x 100m =1000m^2 nằm cách mí lộ nhựa

Quốc lộ 1 đo vào là 16m (nếu tính từ tim lộ đo vào thì là 20m). Khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1, UBND huyện C xác định diện tích đất bị ảnh hưởng là 87,6m^2, trước đây có tranh chấp phần đất 23,8m^2 nằm sát đất của bà T, sang nhượng của ông T3 đã được bản án hành chính phúc thẩm số 72/2019/HC-PT ngày 28/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định phần đất 23,8m^2 đất nêu trên ông Nguyễn Văn T3 không có chuyển nhượng cho bà Hồ Anh T, nên xử bác yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà T đòi hủy quyết định của UBND (phần xét xử liên quan đến 23,8m^2 đất này đã có hiệu lực pháp luật).

Đối với phần diện tích đất còn lại 63,8m^2 là đất mương lộ giáp với mí lộ nhựa Quốc lộ 1. Phần đất này phía bà T cũng thừa nhận ông T3 không có chuyển nhượng phần đất nêu trên cho bà Thủy; tại biên bản hòa giải ngày 04/02/2012 bà T thỏa thuận với ông T3 cho bà san lấp mặt bằng mương lộ sử dụng, khi nào nhà nước thu hồi thì ông T3 được nhận tiền bồi thường về đất.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00583 ngày 27/01/1996, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập ngày 18/8/1997, cũng như theo thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 04/02/2012 thì phần đất 63,8m^2 đất nêu trên ông Nguyễn Văn T3 không có chuyển nhượng cho bà T, nên tại Quyết định thu hồi đất số 1498/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND huyện C, tỉnh H xác định là đất của hộ ông Nguyễn Văn T3 và thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn T3 là đúng.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay ông Lê Khả Đ thừa nhận khi UBND thu hồi 63,8m^2 đất nêu trên UBND có giải quyết bồi thường tiền xây dựng hàng rào cho bà T. Xét việc bồi hoàn này là quan hệ khác, không phải tranh chấp về quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần bồi thường trong vụ án này.

Do xác định phần đất nêu trên thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T3, nên UBND huyện C ra quyết định thu hồi đất của hộ ông T3 nêu trên là đúng. Bà Hồ Anh T kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, xét hủy quyết định nêu trên của UBND huyện C, nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ nào khác ngoài cấp sơ thẩm xem xét, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Chấp nhận theo quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Anh T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Anh T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND huyện C, tỉnh H về việc thu hồi 63,8m^2 đất của hộ ông Nguyễn Văn T3 là không đúng đối tượng.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Anh T phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, ngày 01/8/2019 bà T dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0021918 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H; số tiền này được chuyển qua thi hành phần án phí phải nộp như trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/12/2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng, ĐTT (16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung